

Bản án số: **65/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 25-5-2021

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Võ Thị Thanh Phụng

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Cao Thị Mận

Bà Trần Thị Kim Tân

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Thị Ngọc T**, sinh năm: 1994

ĐKTT: B, xã C, huyện D, tỉnh Ninh Thuận.

Nơi ở hiện nay: ấp 3, xã A, huyện H, tỉnh Đồng Nai.

**2. Bị đơn:** Anh **Lê Thành Y**, sinh năm: 1993

ĐKTT: tổ 6, ấp 2A, xã A, huyện H, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Ngọc T** trình bày: Chị và anh **Lê Thành Y** tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện H, tỉnh Đồng Nai. Cuộc sống chung của anh chị không hạnh phúc, nguyên nhân là do anh chị không hợp nhau, không có tiếng nói chung, anh Y không lo làm, không quan tâm đến vợ con, thường xuyên tụ tập bạn bè sử dụng ma túy, chơi số đề, cờ bạc. Hiện nay, mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, không thể hàn gắn được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Y.

Về con chung: anh chị có 01 con chung là cháu Lê Thị Mỹ L, sinh ngày 10/8/2017. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu L và không yêu cầu anh Y cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: anh chị không có tài sản chung.

Về nợ chung: anh chị không có nợ chung.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Thành Y trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị T về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung. Cuộc sống chung của anh chị không hạnh phúc, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến cãi vã. Anh chị đã sống ly thân mấy tháng nay. Quá trình sống ly thân, anh chị có hòa giải hàn gắn tình cảm nhưng chị T không đồng ý. Nay chị T yêu cầu ly hôn, anh tùy quyết định của chị T.

Về con chung: anh chị có 01 con chung như chị T trình bày. Khi ly hôn, anh đồng ý giao cháu Nguyễn Thị Mỹ L cho chị T nuôi dưỡng. Anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: anh chị không có tài sản chung.

Về nợ chung: anh chị không có nợ chung.

#### **Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:**

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cơ bản đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Ngọc T được ly hôn với anh Lê Thành Y. Về con chung: giao con chung là cháu Lê Thị Mỹ L cho chị T nuôi dưỡng, chị T không yêu cầu anh Y cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung đề nghị không giải quyết.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Lê Thành Y có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, do đó tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh Y là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Lê Thành Y tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện H, tỉnh Đồng Nai nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo quy

định của pháp luật.

Xét yêu cầu của nguyên đơn nhận thấy: Chị T trình bày cuộc sống chung của anh chị không hạnh phúc, nguyên nhân là do anh chị không hợp nhau, không có tiếng nói chung, anh Y không lo làm, không quan tâm đến vợ con, thường xuyên tụ tập bạn bè sử dụng ma túy, chơi số đề, cờ bạc. Anh Y cũng thừa nhận cuộc sống chung của anh chị có mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến cãi vã. Anh chị đã sống ly thân. Quá trình sống ly thân, anh chị có hòa giải hàn gắn tình cảm nhưng chị T không đồng ý. Nay chị T yêu cầu ly hôn, anh tùy quyết định của chị T. Xét thấy, tình trạng hôn nhân của chị T và anh Y mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: chị T và anh Y có 01 con chung là cháu Lê Thị Mỹ L, sinh ngày 10/8/2017. Chị T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu L, anh Y đồng ý giao cháu L cho chị T nuôi dưỡng. Xét nguyện vọng, ý kiến của chị L, anh Y và xét việc cháu L còn nhỏ, là con gái, cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ nên giao cháu L cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T tạm thời không yêu cầu anh Y cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị T và anh Y trình bày anh chị không có tài sản chung nên Tòa không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị T và anh Y trình bày anh chị không có nợ chung nên Tòa không xem xét.

[6] Về án phí: Chị T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Về ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35; Điều 39, Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

*Tuyên xử:* Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc T.

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Chị Nguyễn Thị Ngọc T được ly hôn với anh Lê

Thành Y.

Quan hệ hôn nhân chấm dứt và giấy chứng nhận kết hôn số 66, ngày 20/4/2016 do Ủy ban nhân dân xã A, huyện H, tỉnh Đồng Nai cấp không còn giá trị pháp lý, kể từ ngày bản án, quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật.

**2. Về con chung:** Giao cháu Lê Thị Mỹ L, sinh ngày 10/8/2017 cho chị Nguyễn Thị Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T tạm thời không yêu cầu anh Y cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Anh Lê Thành Y được quyền thăm nom con chung nhưng không gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị Nguyễn Thị Ngọc T.

Khi cần thiết, chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Lê Thành Y được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung vẫn được pháp luật bảo vệ.

**3. Về tài sản chung:** Các đương sự khai không có nên không xem xét.

**4. Về nợ chung:** Các đương sự khai không có nên không xem xét.

**5. Về án phí:** chị Nguyễn Thị Ngọc T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị Ngọc T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H theo biên lai thu số 0004580 ngày 23 tháng 12 năm 2020. Chị Nguyễn Thị Ngọc T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

**6. Về quyền kháng cáo:** Chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Lê Thành Y được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND cấp xã;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Thị Thanh Phụng**